

DANH SÁCH CB-GV-CNV LÃNH TIỀN HỖ TRỢ GIÁO DỤC MẦM NON TP HCM THÁNG 9 NĂM 2021
(CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT 01/2014/NQ -HDND ngày 14/6/2014)

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	MỨC HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG	HỆ SỐ LƯƠNG	PC VK	PCCV	SỐ THÁNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lương Ngọc Minh	Hiệu trưởng	35%	4,49	3,99		0,5	1	2.341.535	
2	Hồ Thị Kim Liên	Phiệu trưởng	35%	5,33	4,98		0,35	1	2.779.595	
3	Đoàn Thị Thanh Huệ	Phiệu trưởng	35%	5	4,65		0,35	1	2.607.500	
4	Lý Thị Ngọc Bích	Giáo viên	35%	3,34	3,34			1	1.741.810	
5	Phạm Ngọc Minh Phương	Giáo viên	35%	2,72	2,72			1	1.418.480	
6	Mai Thị Ước	Giáo viên	25%	2,46	2,46			1	916.350	
7	Nguyễn Thị Hường	Giáo viên	25%	3,34	3,34			1	1.244.150	
8	Hoàng Thụy Hồng Vân	Giáo viên	25%	2,66	2,66			1	990.850	
9	Phạm Thị Bích Huyền	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	5,479	4,98	0,299	0,20	1	2.040.928	
10	Nguyễn Thị Kim Anh	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	5,18	4,98		0,20	1	1.929.550	
11	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Giáo viên	25%	4,65	4,65			1	1.732.125	
12	Dặng Thị Mai Lan	Giáo viên	25%	4,65	4,65			1	1.732.125	
13	Trương Thị Ngọc Dung	Giáo viên	25%	3,96	3,96			1	1.475.100	
14	Trần Thị Yến Nhi	Giáo viên	25%	3,65	3,65			1	1.359.625	
15	Đỗ Thị Hồng Bích Xuân	Giáo viên	25%	2,72	2,72			1	1.013.200	
16	Trần Thị Nhung	Giáo viên	25%	2,72	2,72			1	1.013.200	
17	Nguyễn Thùy Long	Kế toán trưởng	25%	4,27	4,27			1	1.590.575	
18	Nguyễn Thị Thảo	Văn thư + Tổ trưởng	25%	4,95	4,06	0,690	0,20	1	1.843.875	
19	Nguyễn Thúy Quỳnh	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	3,26	3,06		0,20	1	1.214.350	
20	Bùi Thị Hương	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	3,23	3,03		0,20	1	1.203.175	
21	Võ Huỳnh Bảo Ngọc	Giáo viên TS năm thứ 3	50%					1	745.000	
22	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	Cấp dưỡng	25%	2,26	2,26			1	841.850	
23	Ngô Thị Xuân Trang	Cấp dưỡng	25%	2,05	2,05			1	763.625	
Tổng cộng				82,369	79,180	0,989	2,200		34.538.573	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi bốn triệu năm trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi ba đồng.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thùy Long



Lương Ngọc Minh